

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTBGI-TTHT
V/v ưu đãi thuế TNDN đối với dự án
đầu tư sản xuất sản phẩm công
nghiệp hỗ trợ

Bắc Giang, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH Điện tử BROAD Việt Nam
Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang, Mã số thuế 2400744222

Ngày 23/4/2024, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang nhận được Công văn số 01/2024/BROAD-VN ngày 22/4/2024 của Công ty TNHH Điện tử BROAD Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty), hỏi về ưu đãi thuế TNDN đối dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội bổ sung khoản 1 Điều 13 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13) quy định:

“5. Bổ sung điểm đ và điểm e vào khoản 1 Điều 13 như sau:

“đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.

Chính phủ quy định Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại điểm này.””

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN:

- Tại Điều 11 sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về thuế suất ưu đãi:

“Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với:

...

g) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ưu đãi thuế TNDN thực hiện theo Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành tại Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ; khi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan.”

- Tại Điều 12 sửa đổi, bổ sung Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“1. Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

...”

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ quy định về phát triển công nghiệp hỗ trợ:

- Tại khoản 3 Điều 3 quy định về Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

“3. Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng thời kỳ.”

- Tại Điều 11 quy định về đối tượng ưu đãi:

“Điều 11. Đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi

1. Đối tượng ưu đãi:

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

2. Thủ tục xác nhận ưu đãi:

a) Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi đặt dự án hoặc Bộ Công Thương để được xác nhận. Cơ quan có thẩm quyền của địa phương gửi Quyết định xác nhận ưu đãi tới Bộ Công Thương;

...”

- Tại điểm a Khoản 1 Điều 12 quy định chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

“Điều 12. Chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

1. Ưu đãi chung:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

...

- Tại Điều 17 quy định về hiệu lực thi hành:

“ Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016 và bãi bỏ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ và Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 về việc ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan.”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/2/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế GTGT và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN:

“Điều 4. Ưu đãi thuế TNDN

Ưu đãi thuế TNDN được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ từ ngày 01/01/2015 đáp ứng các Điều kiện quy định tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (gọi tắt là Giấy xác nhận ưu đãi).

Trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh Mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công thương.

Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là cơ sở để áp dụng ưu đãi thuế TNDN, về mức ưu đãi, thời Điểm bắt đầu áp dụng ưu đãi, việc chuyển tiếp ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

...

Căn cứ Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ quy về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- Tại Điều 1 bổ sung điểm g Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số

12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

“g) Doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, thực hiện trước ngày 01/01/2015, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như sau:

...

g3) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g4) Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại nêu tại điểm g2 và g3 điểm này:

Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm miễn thuế, số năm giảm thuế, số năm hưởng thuế suất ưu đãi đã được hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác, cụ thể như sau:

- Thời gian miễn thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian miễn thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian giảm thuế còn lại bằng thời gian giảm thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi còn lại bằng thời gian ưu đãi thuế suất theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi thuế suất đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có)...”

- Tại khoản 2 Điều 2 quy định tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

“2. Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định này (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp (nếu có) thì người nộp thuế có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm

quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng (nếu có). Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-Cp ngày 26/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quy định điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tại Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

“1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.

Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp.

...”

- Tại Điều 22 quy định thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN, như sau:

“Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

Cơ quan thuế khi kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp phải kiểm tra các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, số thuế TNDN được miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế theo đúng điều kiện thực tế mà

doanh nghiệp đáp ứng được. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.”

Từ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp Công ty có dự án đầu tư mới sản xuất linh kiện điện tử được BQL các KCN tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu mã số dự án 8704856712 ngày 02/12/2014, sửa đổi lần thứ 13 ngày 14/12/2023. Ngày 20/3/2024 Công ty được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận số 1751/GXN-BCT cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản phẩm thuộc mã HS sau: Dây cáp kết nối (Mã HS số 85444294, 85444291, 85444299, 85444949, 85442011) và Bộ sạc điện thoại (Mã HS số 85044090) theo Mục III ngành điện tử thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cụ thể như sau:

- Trường hợp thu nhập của Công ty từ thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; miễn thuế 4 năm kể từ năm phát sinh thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.

- Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt

động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

- Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp.

- Cách xác định thời gian ưu đãi thuế TNDN còn lại đối dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại điểm g3 Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ.

- Về thủ tục hồ sơ thực hiện ưu đãi thuế TNDN, Công ty căn cứ vào Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để thực hiện. Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế TNDN, tiền chậm nộp (nếu có) thì Công ty có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế TNDN phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng.

Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh và đối chiếu với các quy định hướng dẫn nêu trên để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang trả lời để Công ty được biết và thực hiện, quá trình thực hiện còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, số máy điện thoại 0204.3.857.284 để được hỗ trợ ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng NVDTTC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hùng